TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 9 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm
Ông Trương Công Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị L, sinh năm: 1987. Địa chỉ cư trú: Số 137/18, đường N.T, khóm B, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**** Bị đơn:*** Anh Nguyễn Hoàng V. Sinh năm: 1989. Địa chỉ cư trú: Số 3E, đường N.T, khóm B, phường C, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/6/2023, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Hòang V kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19 ngày 18/3/2009. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng hơn 01 năm nay vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 04 tháng. Chị nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có hai người con chung tên Nguyễn Vũ H, sinh 01/4/2008 và Nguyễn Vũ Ph, sinh ngày 29/8/2012, hiện con chung đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con, mỗi tháng yêu cầu cấp dưỡng nuôi mỗi người con 2.000.000đ/tháng

Về tài sản chung: Chị xác định tự không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Hoàng V mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị L. Nhưng anh V vẫn vắng mặt không có văn bản nêu ý kiến gởi Tòa án về các vấn đề chị L yêu cầu, anh V không yêu cầu hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Hoàng V kết hôn ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 18/3/2009, đúng quy định của pháp luật. Chị Lê Thị L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với anh Nguyễn Hoàng V mặc dù Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng triệu tập anh V tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải đến lần thứ hai và tống đạt hợp lệ giấy triệu tập anh V tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị L yêu cầu ly hôn với anh V với lý do vợ chồng có mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm sống. Anh V không yêu cầu hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị L, bỏ mặc không có bất cứ ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị L. Nên việc chị L cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Liên được ly hôn với anh V.

[4] Về con chung: Có tên Nguyễn Vũ H, sinh 01/4/2008 và Nguyễn Vũ Ph, sinh ngày 29/8/2012, hiện con chung đang sống với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai người con chung yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của con chung. Tại phiên tòa, chị L thay đổi yêu cầu, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Yêu cầu mức cấp dưỡng của chị L là phù hợp. Anh V không có ý kiến gì về vấn đề con chung. Nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của chị L.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh V không yêu cầu phân chia tài sản chung, cũng như không yêu cầu giải quyết trách nhiệm trả nợ. Đến nay, không ai khác yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm trả nợ của chị L và anh V nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình chị L phải chịu và án phí cấp dưỡng nuôi con anh Vũ phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung Nguyễn Vũ H, sinh 01/4/2008 và Nguyễn Vũ Ph, sinh ngày 29/8/2012 cho chị Lê Thị Liên trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hoàng V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000đ/tháng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Hoàng V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người có quyền thi hành án (chị Lê Thị L) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án (anh Nguyễn Hoàng V) không thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* chị Lê Thị L phải nộp. Ngày 23/6/2023 chị Lê Thị L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0002317 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* anh Nguyễn Hoàng V phải nộp (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phan Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND phường 4, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.